

Nam Định, ngày 05 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023
của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Nam Định

CHÁNH VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 412/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của UBND tỉnh Nam Định về việc thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Nam Định giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành Đề án kiện toàn Văn phòng Điều phối NTM các cấp tỉnh Nam Định đến năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Nam Định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Nam Định (Theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Điều phối nghiệp vụ, Phòng Hành chính tổng hợp và các cá nhân liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (Để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp (Để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VPĐP.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Văn Hữu

Đơn vị: VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TỈNH NAM ĐỊNH
Chương: 012

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 06/QĐ-PPDP ngày 05 / 01/2024 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Nam Định)

ĐV tính: Triệu đồng

Số	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
TT				
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.075	9.075	0
1	Chi quản lý hành chính	985	985	
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	985	985	
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
2	Chi sự nghiệp	150	150	
2.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	150	150	
3	Chi Chương trình mục tiêu	7.940	7.940	0
3.1	Kinh phí triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (mã 0493; 280-281)	4.422	4.422	
3.2	Nâng cao nhận thức về NTM (MS 0502 loại 070-098)	500	500	
	- Tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ xây dựng NTM cấp thôn xóm			
3.3	Kinh phí Ban chỉ đạo xây dựng NTM tỉnh; truyền thông CTXDNTM (mã 0502; 280-281)	3.018	3.018	